

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2019/HC-PT
Ngày: 15/11/2019
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội : Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 112/2019/TLPT-HC ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 87/2018/HC-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10194/2019/QĐPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Lê Mạnh H; trú tại: Thôn Khoa T, xã Tùng L, huyện G, tỉnh T; có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện G: Ông Phạm Văn N - Phó chủ tịch UBND huyện G (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2018); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. UBND xã Tùng L, huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T - Chủ tịch UBND xã Tùng L; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Đậu Văn T (Giấy ủy quyền ngày 14/11/2019); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Cao Văn K; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Văn B và ông Phạm Xuân M (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2018); ông B, ông Mùi có mặt.

Đều trú tại: Thôn Trường Sơn 2, xã Tùng L, huyện G, tỉnh T.

3.2. Ông Cao Sĩ A (Tên gọi khác: Cao Văn A); trú tại: Thôn Khoa T, xã Tùng L, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H (Giấy ủy quyền ngày 03/10/2019).

Người kháng cáo: Ông Lê Mạnh H, ông Cao Văn K và ông Phạm Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của ông Lê Mạnh H: Năm 2016, gia đình ông mua của ông Cao Sĩ A 400m² đất ở lâu dài, chiều rộng theo quốc lộ 1A là 16m, chiều dài 25m, tại thôn Khoa T, xã Tùng L, huyện G. Có giấy chuyển nhượng được UBND xã Tùng L xác nhận ngày 15/3/2016.

Vị trí đất: - Phía Đông giáp QL 1A dài 16m;
- Phía Tây giáp ruộng dài 16m;
- Phía Nam giáp nhà ông K dài 25m;
- Phía Bắc giáp nhà ông Đ dài 25m.

Diện tích đất 400m² trên có nguồn gốc do UBND xã Tùng L, huyện G giao trái thẩm quyền cho ông Cao Sĩ A có thu tiền sử dụng đất, từ 02 thửa theo Quyết định số 100/UB ngày 25/02/1995 có diện tích 200m², chiều rộng theo quốc lộ 1A là 8m, nhưng biên bản bàn giao chỉ ghi 100m² và chiều rộng theo quốc lộ 1A là 4m vì ông A mới chỉ nộp “50% lệ phí quyền sử dụng đất ở lâu dài ven đường 1A” tương ứng với 100m²; và theo Quyết định số 71/QĐUB ngày 29/7/2004 của UBND xã Tùng L có diện tích 200m², chiều rộng theo Quốc lộ 1A là 8m. Trong quá trình sử dụng ông A có làm nhà tạm có giấy phép của UBND xã Tùng L xác nhận.

Ngày 02/3/2016, ông Lê Mạnh H và ông Cao Sĩ A lập Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng đất ở và tài sản gắn liền với đất, với nội dung: Ông A chuyển nhượng cho ông H diện tích 400m² chiều rộng theo quốc lộ 1A là 16m, chiều dài 25m, tại thôn Khoa T, xã Tùng L, huyện G.

Ngày 15/3/2016, UBND xã Tùng L đã xác nhận với nội dung: Ông A chuyển nhượng cho ông H diện tích 300m², chiều rộng theo quốc lộ 1A 12m, sâu 25m. Tài sản trên đất khi chuyển nhượng gồm có: 01 nhà cấp 4, 01 nhà kho, nền đất do ông A san lấp và xây dựng.

Sau khi nhận chuyển nhượng ông Lê Mạnh H có làm thêm 01 nhà cấp 4, làm lều quán lợp mái kè, trên diện tích đất mặt đường QL 1A, thì xảy ra tranh chấp với ông Cao Văn K, theo Quyết định số 99/UB ngày 25/02/1995 của

UBND xã Tùng L thì ông Cao Văn K được giao đất trái thẩm quyền 200m², chiều rộng tám đường quốc lộ 1A 8m, chiều dài 25m. Ranh giới thửa đất được bàn giao vị trí theo Biên bản số 02 ngày 03/3/2016 của UBND xã Tùng L: Phía Đông giáp đất lưu không QL 1A rộng 8m; phía Tây giáp đất nông nghiệp; phía Nam giáp nhà bà X; phía Bắc giáp nhà ông Cao Sĩ A.

Ông Cao Văn K cho rằng việc ông Lê Mạnh H làm nhà cấp bốn, làm lều quán lợp mái kê trên phần đất khoảng 100m² (có chiều rộng tám đường QL 1A là 4m, chiều dài là 25m) của gia đình ông K được UBND xã Tùng L giao trái thẩm quyền năm 1995 có diện tích là 200m²; ông Cao Văn K đã có đơn đề nghị UBND huyện G giải quyết.

Ngày 27/9/2017, UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 5593/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai của ông Cao Văn K, nội dung: Ông Lê Mạnh H đã dựng mái kê, đổ nền bê tông trong thửa đất đã được UBND xã Tùng L giao trái thẩm quyền cho ông Cao Văn K với diện tích thửa đất là 200m². Yêu cầu ông Lê Mạnh H tháo dỡ mái kê và nền bê tông trả lại đất cho ông K. Việc cấp GCNQSD đất cho ông K và ông K thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông A cho ông H phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Tùng L ban hành quyết định hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 29/7/2004 của UBND xã Tùng L về việc giao đất ở lâu dài ven đường QL 1A giao cho ông A; hủy bỏ Biên bản bàn giao đất ở lâu dài số 71/UB ngày 29/7/2004. Hủy bỏ nội dung xác của UBND xã Tùng L vào Giấy chuyển nhượng đất ở của UBND xã Tùng L ngày 01/3/2016 giữa ông A và ông H 300m². Đính chính Quyết định số 100/UB ngày 25/02/1995 của UBND xã Tùng L về việc giao đất trái thẩm quyền cho ông A. Tiến hành kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến các sai phạm.

Thực hiện Quyết định số 5593/QĐ-UBND ngày 29/7/2017 của UBND huyện G; UBND xã Tùng L ban hành Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/10/2017, hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 15/3/2016 của UBND xã Tùng L trong giấy chuyển nhượng đất của ông Cao Sĩ A với ông Lê Mạnh H; UBND xã Tùng L ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 hủy bỏ Quyết định số 71/QĐ-UB ngày 29/7/2004 của UBND xã Tùng L về việc giao đất trái thẩm quyền cho ông Cao Sĩ A.

Ngày 12/3/2018, ông Lê Mạnh H có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh T, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5593/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND huyện G; Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L; Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2018/HC-ST ngày 31/10/2018, Toà án nhân dân tỉnh T, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 37 Luật đất đai 2003; Điều 188, khoản 2 Điều 202, điểm a khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 23, Điều 88, Điều 89 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H:

Hủy Quyết định số 5593/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết tranh chấp đất đai của ông Cao Văn K, thôn Trường Sơn 2, xã Tùng L, huyện G, tỉnh T.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L về việc hủy bỏ Quyết định số 71/QĐ-UB ngày 29/7/2004 của UBND xã Tùng L về việc giao đất ở lâu dài ven đường 1A.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 15/3/2016 của UBND xã Tùng L trong giấy chuyển nhượng đất ở của gia đình ông Cao Sĩ A.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2018, ông Lê Mạnh H có đơn kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L về việc hủy bỏ Quyết định số 71/QĐUB ngày 29/7/2004 của UBND xã Tùng L về việc giao đất ở lâu dài ven đường 1A; hủy Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 15/3/2016 của UBND xã Tùng L trong giấy chuyển nhượng đất ở của gia đình ông Cao Sĩ A.

Ngày 12/11/2018, ông Cao Văn K có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và công nhận kết quả giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông và ông Lê Mạnh H tại Quyết định số 5593/QĐ-UBND.

Ngày 14/11/2018, ông Phạm Văn N có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; giữ nguyên Quyết định số 5593/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch của UBND huyện G.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Mạnh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Cao Văn K là ông Phạm Xuân M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Cao Văn K, ông Phạm Văn N; giữ nguyên Quyết định số 5593/QĐ-UBND của UBND huyện G; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Mạnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Ngày 12/3/2018, ông Lê Mạnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 5593/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện G; hủy Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 và Quyết định số 450/QĐ-UB ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L, đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 5593/QĐ-UBND ngày 27/9/2017. Về trình tự, thủ tục thẩm quyền ban hành Quyết định số 5593/QĐ-UBND: Ông Cao Văn K được UBND xã Tùng L giao đất trái thẩm quyền theo Quyết định số 99/UB ngày 25/02/1995 với diện tích 200m²; giáp đất của ông K là đất của ông Cao Sỹ A. Năm 2016, ông Cao Sỹ A chuyển nhượng cho ông Lê Mạnh H toàn bộ diện tích đất UBND xã Tùng L giao trái thẩm quyền. Sau khi nhận chuyển nhượng ông H đã sử dụng và làm thêm 01 nhà cấp bốn, làm lều quán lợp mái kè; ông K cho rằng ông H đã sử dụng 1 phần diện tích đất của gia đình ông K. Ngày 30/6/2017, ông K đã có đơn yêu cầu Chủ tịch UBND huyện G giải quyết tranh chấp đất đai. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 5370/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc công bố thủ tục hành chính về việc giải quyết tranh chấp đất đai. Chủ tịch UBND huyện G đã giao nhiệm vụ cho cơ quan giúp việc, thành lập đoàn thanh tra thẩm tra, xác minh đơn tranh chấp đất đai.

Đoàn thanh tra UBND huyện đã xác minh làm việc với gia đình ông Cao Văn K, ông Lê Mạnh H và ông Cao Sỹ A người chuyển nhượng đất cho ông H tại biên bản ngày 25/7/2017 và ngày 17/8/2017 để làm rõ diện tích đất. Xác định diện tích 11,89m theo QL 1A ông Lê Mạnh H xây nhà kiên cố lợp mái tôn (ký hiệu S1); diện tích 4,15m theo QL 1A ông H dựng mái kè nền đổ bê tông (ký hiệu S2); diện tích 4m theo QL 1A ông H trồng cây (ký hiệu S3). Trong diện tích ông H đang sử dụng thì có 1 phần diện tích là đất của ông K được UBND xã Tùng L giao trái thẩm quyền. Sau khi xem xét báo cáo của Đoàn thanh tra, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp

đất đai số 5593/QĐ-UB ngày 27/9/2017 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về nội dung của Quyết định số 5593/QĐ-UB ngày 27/9/2017: Thửa đất ông K đề nghị giải quyết tranh chấp có nguồn gốc được UBND xã Tùng L giao đất trái thẩm quyền theo Quyết định số 99/UB ngày 25/02/1995 với 200m², chiều rộng tám đường QL1A 8m, chiều dài 25m; ranh giới thửa đất được bàn giao vị trí theo Biên bản số 02 ngày 03/3/2016 của UBND xã Tùng L: Phía Đông giáp đất lưu không QL 1A rộng 8m; phía Tây giáp đất nông nghiệp; phía Nam giáp nhà bà X; phía Bắc giáp nhà ông Cao Sỹ A. Ông K đã nộp cho UBND xã Tùng L tiền lệ phí quyền sử dụng đất ở số tiền 3.200.000 đồng. Giáp đất của ông K là đất của ông A; nguồn gốc đất của ông A là năm 1995, UBND xã Tùng L ban hành Quyết định số 100/UB ngày 25/02/1995 của UBND xã Tùng L về việc giao đất ở diện tích 200m² chiều rộng dọc theo QL 1A là 8m, chiều dài là 25m cho ông Cao Sĩ A. Do ông A mới nộp 50% tiền lệ phí quyền sử dụng đất là 1.600.000 đồng nên UBND xã Tùng L chỉ giao cho ông A diện tích 100m² đất với chiều rộng tám QL 1A là 4m, chiều dài 25 là đúng. Ông A và ông K đều thừa nhận cùng thời điểm năm 1995, ông A, ông Cao Văn R và ông Cao Văn Đ (ông A, ông R, ông Đ và ông K là anh em ruột) chung tiền đưa cho ông K, nhờ ông K đứng tên nộp tiền sử dụng đất cho UBND xã Tùng L để được giao 18m đất tám đường QL 1A, với diện tích 450m² với số tiền 7.200.000đồng; trong đó đất của ông A là 200m² (có chiều rộng tám đường QL 1A là 8m), ông R là 125m² và ông Đ là 125m². UBND xã Tùng L ban hành Quyết định số 71/QĐUB ngày 29/7/2004 về việc giao đất ở lâu dài ven đường QL 1A giao cho ông A với diện tích 200m², tại khu vực phía Tây đường QL 1A đề nước ngọt Khoa T và Biên bản bàn giao đất ở lâu dài số 71/UB ngày 29/7/2004. Như vậy, tổng cộng diện tích đất của gia đình ông A là 300m² (chiều rộng tám đường QL 1A là 12m, chiều dài 25m); ông H cho rằng ông A chuyển nhượng cho ông H diện tích 400m² (chiều rộng tám đường QL 1A là 18m, chiều dài 25m) là không có cơ sở. Tại Quyết định số 5593/QĐ-UBND xác định ông A chuyển nhượng cho ông H diện tích 300m² là có căn cứ, phù hợp với Giấy chuyển nhượng đất ở ngày 01/3/2016, ông A chuyển nhượng cho ông H diện tích 300m² chiều rộng tám đường QL1A là 12m, chiều dài là 25m, được trưởng thôn Khoa T và UBND xã Tùng L xác nhận ngày 15/3/2016; đồng thời cũng phù hợp với bản đồ xã Tùng L đo vẽ năm 2011, ông A đã ký xác nhận thuộc thửa 37, tờ bản đồ 107, diện tích 300,1m² và cũng phù hợp với lời khai của ông A.

UBND xã Tùng L xác nhận cho ông A chuyển nhượng đất ở cho ông H chỉ có 300m² đất (chiều rộng 12m, chiều dài 25m). Việc UBND xã Tùng L xác nhận vào Giấy chuyển nhượng diện tích 300m² đất ở ngày 01/3/2016 giữa ông

A với ông H trong khi đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật. Do ông H xây dựng công trình trên đất đã được UBND xã Tùng L giao trái thẩm quyền cho ông Cao Văn K nên tại Quyết định số 5593/QĐ-UBND đã yêu cầu ông Lê Mạnh H tháo dỡ mái kè, nền bê tông trong thửa đất là đúng. Đồng thời quyết định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc chuyển nhượng đất của ông Cao Văn K, ông Cao Sĩ A và ông Lê Mạnh H phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định số 5593/QĐ-UBND còn yêu cầu Chủ tịch UBND xã Tùng L ban hành quyết định huỷ bỏ Quyết định số 71/QĐUB ngày 29/7/2004 và biên bản giao đất số 71/UB ngày 29/7/2004; huỷ bỏ nội dung xác nhận của UBND xã Tùng L ngày 01/3/2016 vào Giấy chuyển nhượng đất ở giữa ông A và ông H 300m² đất ở; đình chính Quyết định số 100/UB ngày 25/02/1995 của UBND xã Tùng L. Tiến hành kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến các sai phạm là có cơ sở.

Vì vậy, chấp nhận 1 phần kháng cáo của đại diện UBND huyện G và của ông Cao Văn K; sửa bản án hành chính sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đề nghị huỷ Quyết định số 5593/QĐ-UBND.

[3]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L: Diện tích đất của ông Cao Sĩ A được giao đất trái thẩm quyền năm 1995, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy ông A không có quyền chuyển nhượng. Do đó, UBND xã Tùng L ban hành Quyết định số 468/QĐ-UBND về việc huỷ bỏ nội dung xác nhận ngày 15/3/2016 của UBND xã Tùng L trong giấy chuyển nhượng đất ở giữa ông A và ông H là đúng quy định tại Điều 188 Luật đất đai 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc huỷ Quyết định số 468/QĐ- UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L là có sở; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H đề nghị huỷ Quyết định số 468/QĐ- UBND ngày 25/10/2017.

[4]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L về việc huỷ bỏ Quyết định số 71/QĐUB ngày 29/7/2004 của UBND xã Tùng L về giao đất ở. Theo quy định tại Điều 37 Luật đất đai 2003 thì UBND cấp xã không có thẩm quyền giao đất; do đó, UBND xã Tùng L ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc huỷ bỏ Quyết định số 71/QĐUB ngày 29/7/2004 của UBND xã Tùng L về việc giao đất ở ven đường 1A trái thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H huỷ Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng của của ông H huỷ Quyết định số 450/QĐ-UBND.

[5]. Án phí: Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Chủ tịch UBND huyện G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm; hoàn trả cho chị Vũ Thị Hồng C (nộp thay ông Phạm Văn N) số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004377 ngày 12/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T. Ông Cao Văn K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho ông Phạm Xuân M (nộp thay ông Cao Văn K) số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004369 ngày 20/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T. Ông Lê Mạnh H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được đối trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm số AA/2017/0003193 ngày 26/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T; và không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004367 ngày 20/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T. UBND xã Tùng L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Phạm Văn N, ông Cao Văn K; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Mạnh H; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2018/HC-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H hủy Quyết định số 5593/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết tranh chấp đất đai của ông Cao Văn K, thôn Trường Sơn 2, xã Tùng L, huyện G, tỉnh T;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L về việc hủy bỏ Quyết định số 71/QĐUB ngày 29/7/2004 của UBND xã Tùng L về việc giao đất ở lâu dài ven đường 1A;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND xã Tùng L về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 15/3/2016 của UBND xã Tùng L trong giấy chuyển nhượng đất ở của gia đình ông Cao Văn A.

Về án phí: Chủ tịch UBND huyện G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm; hoàn trả cho chị Vũ Thị Hồng C (nộp thay ông Phạm Văn N) số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004377 ngày 12/12/2018 của

Cục thi hành án dân sự tỉnh T. Ông Cao Văn K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho ông Phạm Xuân M (nộp thay ông Cao Văn K) số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004369 ngày 20/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T. Ông Lê Mạnh H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được đối trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm số AA/2017/0003193 ngày 26/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T; và không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004367 ngày 20/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T. UBND xã Tùng L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình